

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH VĨNH LONG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2026/HS-PT
Ngày: 25-5-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG
Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc;

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Mỹ Dung;
Bà Đặng Thị Ánh Bình,

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà Lữ Hồng Ngoan - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:*
Ông Nguyễn Văn Đoàn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 61/2026/TLPT-HS, ngày 13 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo **Trần Đức T** do có kháng cáo của bị cáo **Trần Đức T** đối với bản án hình sự sơ thẩm số 13/2026/HS-ST, ngày 12/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Vĩnh Long.

Bị cáo có kháng cáo:

Trần Đức T, sinh ngày 10/11/1989, tại tỉnh Vĩnh Long.

Nơi thường trú: **ấp A, xã L, tỉnh Vĩnh Long**; Nơi ở hiện nay: **ấp A, xã L, tỉnh Vĩnh Long**; Nghề nghiệp: Thợ nhôm sắt; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông **Trần Văn N**, sinh năm 1963 và bà **Trần Thị H**, sinh năm 1964; có vợ và 01 con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/12/2025 cho đến nay, bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Ông **Võ Đăng K**, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Nơi cư trú: **Khóm A, phường T, tỉnh Vĩnh Long**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ, ngày 27/10/2025, bị cáo **Trần Đức T** đang ngồi uống bia cùng với **Thái Văn M**, **Trần Mỹ D**, **Phạm Trọng T1**, **Võ Thành L** và **Võ Đăng K** tại nhà ông **M** thuộc **ấp A, xã L, tỉnh Vĩnh Long**. Đến khoảng 20 giờ 45 phút cùng ngày, trong lúc bị cáo đang ngồi uống bia thì nhớ lại chuyện **K** từng gọi điện thoại chộc ghẹo vợ mình là **Nguyễn Ngọc P** nên nảy sinh ý định gây thương tích cho **K** để trút giận. Ngay sau đó, bị cáo cầm ly bia bằng thủy tinh bằng tay trái đánh mạnh 01 cái từ trái sang phải trúng vào vùng mặt bên phải của **K** làm ly thủy tinh vỡ nát, hậu quả làm **K** bị thương tích ở vùng cung mày phải, vùng trán trái, vùng trán - thái dương phải, vùng mặt phía trước tai phải và vùng ngang sống mũi. Do được can ngăn nên bị cáo dừng lại, còn **K** được đưa đến **Trung tâm y tế K1** để cấp cứu và điều trị.

Quá trình làm việc với Cơ quan Công an bị cáo **T** thừa nhận hành vi gây thương tích đối với **K**.

- Tại bản kết luận giám định số 414/KLTTCT-TTPY ngày 03/12/2025 của Trung tâm pháp y **Sở y tế tỉnh V** kết luận:

- + Sẹo nhỏ vùng cung mày phải: tỷ lệ 3%;
- + Sẹo nhỏ vùng trán phải hình chữ “Z”: tỷ lệ 3%;
- + Sẹo nhỏ vùng trán - thái dương phải: tỷ lệ 3%;
- + Sẹo nhỏ vùng mặt phía trước tai phải: tỷ lệ 3%.
- + Sẹo nhỏ vùng ngang sống mũi: tỷ lệ 3%.

Kết luận: tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của **K** tại thời điểm giám định là 14%. Cơ chế hình thành vết thương trên người của **K** do ngoại lực tác động trực tiếp; vật gây ra thương tích là vật tày có cạnh và hướng từ phải sang trái. Việc bị cáo **T** dùng hung khí là ly thủy tinh đánh 01 cái vào mặt của **K** hướng từ trái qua phải có khả năng gây ra các vết thương như trong giấy chứng nhận thương tích số 28/TTYT ngày 25/11/2025 của **Trung tâm y tế K1**.

Tại Cáo trạng số 29/CT-VKSKV14 ngày 09/02/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Vĩnh Long truy tố bị cáo **Trần Đức T** về tội “Cố ý gây thương tích” theo đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 13/2026/HS-ST, ngày 12/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Vĩnh Long đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo **Trần Đức T** phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Đức T** 02 (hai) năm tù.

Thời hạn phạt tù của bị cáo **Trần Đức T** được tính từ ngày chấp hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/3/2026, bị cáo **Trần Đức T** có đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo yêu cầu: Sửa bản án hình sự sơ thẩm theo hướng giảm nhẹ hình phạt, xử phạt bị cáo 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo **Trần Đức T** giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Căn cứ kháng cáo được xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo: Bị cáo cung cấp đơn xin rút hồ sơ vụ án hình sự ngày 20/3/2026 của bị hại **Võ Đăng K**, thư cảm ơn ngày 09/8/2021 của **Ủy ban nhân dân xã L**, **thị xã D**, **tỉnh Trà Vinh** đối với bị cáo do bị cáo có ủng hộ trong công tác phòng, chống **dịch C - 19**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo **Trần Đức T** đã khai nhận hành vi phạm tội đúng nội dung vụ án, cấp sơ thẩm xét xử là đúng người, đúng tội, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và quyết định mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 13/2026/HS-ST, ngày 12/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Vĩnh Long về hình phạt tù đối với bị cáo **Trần Đức T**.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vụ án ngày 12/3/2026, ngày 23/3/2026 bị cáo kháng cáo, kháng cáo của bị cáo là còn trong thời hạn kháng cáo được quy định tại Điều 332, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự, nên được xem xét giải quyết theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

[2] Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm về diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo; phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 20 giờ 45 phút ngày 27/10/2025, tại nhà ông **Thái Văn M** thuộc **ấp A**, **xã L**, **tỉnh Vĩnh Long**, bị cáo **Trần Đức T** đã dùng tay trái cầm ly thủy tinh, loại có quai, chiều cao 09cm, đường kính miệng ly 07cm và mặt đáy ly 04cm là hung

khí nguy hiểm đánh **Võ Đăng K** 01 cái từ trái sang phải trúng vào vùng mặt của **Võ Đăng K** gây thương tích với tỷ lệ thương tật 14%.

Bị cáo đã bị các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm truy tố, xét xử về tội: Cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, điểm i khoản 1 Điều 134) của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng quy định pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của con người được pháp luật bảo vệ, bị cáo đã gây tổn hại sức khỏe bị hại một cách trái pháp luật. Do đó, nhận thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần xử phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và mang tính đấu tranh, phòng ngừa chung trong đời sống xã hội.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo **Trần Đức T**: Bị cáo yêu cầu được xử phạt 12 tháng tù nhưng được hưởng án treo.

Bị cáo bị truy tố, xét xử về tội Cố ý gây thương tích theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, điểm i khoản 1 Điều 134) của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 có khung hình phạt từ 02 (hai) năm đến 05 (năm) năm tù. Giữa bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn nhưng bị cáo đã dùng hung khí nguy hiểm (ly thủy tinh) để gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 14%. Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ đối với bị cáo: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi thường khắc phục xong số tiền 50.000.000 đồng cho bị hại; tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; gia đình bị cáo có ông nội được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba và có bà ngoại là Bà mẹ Việt Nam anh hùng là gia đình có công với cách mạng đây là các tình tiết giảm nhẹ hình phạt được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và xử phạt bị cáo mức hình phạt 02 (hai) năm tù là đã tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp bổ sung đơn xin rút hồ sơ vụ án hình sự ngày 20/3/2026 của bị hại **Võ Đăng K**, thư cảm ơn ngày 09/8/2021 của **Ủy ban nhân dân xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh** đối với bị cáo do bị cáo có ủng hộ trong công tác phòng, chống dịch Covid-19, đây là những tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận.

Về án phí: Do không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

1/ Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo **Trần Đức T**.

Giữ nguyên hình phạt tù đối với bị cáo **Trần Đức T** tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2026/HS-ST, ngày 12/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 14 - Vĩnh Long.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a, điểm i khoản 1 Điều 134) của Bộ luật Hình sự năm 2017 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Đức T** 02 (hai) năm tù về tội "Cố ý gây thương tích".

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo tự nguyện chấp hành án hoặc bị bắt chấp hành án.

2/ Về án phí hình sự phúc thẩm:

Buộc bị cáo **Trần Đức T** phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí.

3/ Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không có kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- Vụ Giám đốc kiểm tra I;
- VKSND.TVL;
- TAND khu vực 14 - Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 14 - Vĩnh Long;
- CQTHAHS;
- PhòngTHADS khu vực 14 – Vĩnh Long;
- Bị cáo;
- Phòng hồ sơ CATVL;
- STP. TVL;
- UBND xã Long Hữu;
- Lưu: hồ sơ, P.GĐKT,TTr&THA;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Duy Mỹ Ngọc